

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 02- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: KP 4, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Chị Phan Thị Tố Q, sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: Ấp TA, xã TL, huyện GR, tỉnh KG.

Hiện đang ở: KP 6, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Văn Tr nguyên đơn trình bày: Do quen biết với chị Q nên vào tháng 12/2022, anh có đứng ra làm biên nhận nợ của anh Trần Phước Sang để vay số tiền 180.000.000 đồng. Nhưng thực tế số tiền này là vay dùm chị Q để chị Q sử dụng vào cá nhân của chị Q. Nay anh Sang khởi kiện yêu cầu anh trả lại số tiền này và lãi suất nên anh yêu cầu chị Q phải trả số tiền này và lãi suất theo thỏa thuận 10%/năm từ ngày 13/12/2022 là ngày ghi biên nhận cho đến ngày xét xử sơ thẩm, để anh trả lại cho anh Sang.

- Chị Phan Thị Tố Quyến trình bày: Chị Q xác nhận lời trình bày của anh Tr là đúng. Chị có nhờ Tr đứng ra vay dùm số tiền 180.000.000 đồng từ anh Sang. Chị đồng ý trả số tiền này và lãi suất theo yêu cầu của Tr. Nhưng hiện tại do công

việc làm không ổn định thu nhập không đủ để trả lại một lần tiền nên chị xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý cho chị Q trả dần.

Bị đơn chị Phan Thị Tố Q đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, khi nào có nhiều sẽ trả thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Phan Thị Tố Q phải trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Không chấp nhận ý kiến xin trả dần của bị đơn do nguyên đơn không đồng ý.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr yêu cầu chị Phan Thị Tố Q phải trả số tiền vay là 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Phan Thị Tố Q có nơi cư trú tại khu phố 6, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr yêu cầu chị Phan Thị Tố Q phải trả số nợ vay là 180.000,000 đồng, bị đơn chị Q thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày nhưng xin trả dần hàng tháng. Theo quy định tại Điều 92

của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau nên đây là tình tiết sự thật, không cần phải chứng minh. Việc anh Tr yêu cầu chị Q phải trả số tiền vay gốc là có căn cứ chấp nhận. Về ý kiến chị Q cho rằng do kinh tế khó khăn thu nhập chỉ đủ chi tiêu hàng ngày không có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của anh Tr nên chị xin trả nợ dần việc này không được anh Tr chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn Tr yêu cầu chị Phan Thị Tố Q phải trả lãi suất trên số tiền vay tính từ ngày 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 10%/năm. Theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,...”*. Theo đó cho thấy chị Phan Thị Tố Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Tr yêu cầu chị Q trả số tiền lãi 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên buộc chị Q phải có trách nhiệm trả lãi theo yêu cầu của anh Tr là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/02/2025 là 26 tháng 4 ngày, anh Tr đề nghị tính tròn là 26 tháng x 0,83%/tháng x 26 tháng = 38.844.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận buộc chị Phan Thị Tố Q phải trả số tiền gốc là 180.000.000 đồng và số tiền lãi là 38.844.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 218.844.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh Nguyễn Văn Tr được Tòa án chấp nhận nên anh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009013 ngày 04/12/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Phan Thị Tố Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền phải trả cho anh Tr là $218.844.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.942.200 \text{ đồng}$ (Mười triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tr. Buộc chị Phan Thị Tố Q phải trả số tiền vay gốc 180.000.000 đồng và số tiền lãi là 38.844.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 218.844.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Trả lại tiền tạm ứng phí cho anh Nguyễn Văn Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009013 ngày 04/12/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Phan Thị Tố Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 10.942.200 đồng (Mười triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Anh Nguyễn Văn Tr, chị Phan Thị Tố Q có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

